

Số: **06** /2020/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **10** tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm chủ rừng,
các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm
quản lý rừng, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Lâm nghiệp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 273/TTr-SNN ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Báo cáo giải trình số 130/BC-SNN ngày 27 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm chủ rừng, các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2020 và thay thế Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm chủ rừng, các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 2 Quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Lâm nghiệp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

“1. Ban Lâm nghiệp xã được thành lập tại các xã, phường, thị trấn có từ 500 ha rừng tự nhiên trở lên.

Đối với các xã, phường, thị trấn có diện tích rừng tự nhiên dưới 500 ha; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, quyết định việc thành lập hoặc không thành lập Ban Lâm nghiệp và sử dụng ngân sách địa phương cấp huyện để chi trả các hoạt động của Ban Lâm nghiệp”.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Chủ tịch, Giám đốc các đơn vị chủ rừng; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT. Huyện ủy, Thành ủy Gia Nghĩa;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ (để lưu trữ);
- Lưu: VT, KTTH, NCKSTT, KTN(Ch).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng

QUY CHẾ

Về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của chủ rừng, các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số **06** /2020/QĐ-UBND ngày **10** tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của chủ rừng, các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách quản lý rừng, bảo vệ rừng; Trạm trưởng, Phó trạm trưởng Trạm Quản lý bảo vệ rừng; Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp hoặc các đơn vị khác thuộc Doanh nghiệp Nhà nước. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Công chức Kiểm lâm; Trạm trưởng, Phó Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm; Hạt trưởng, Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã gồm Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
2. Hạt Kiểm lâm gồm Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố Gia Nghĩa.
3. Trạm Kiểm lâm gồm Trạm Kiểm lâm địa bàn xã, Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã.

4. *Công chức Kiểm lâm* gồm Kiểm lâm làm việc tại địa bàn, Kiểm lâm được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng.

5. *Chủ rừng* gồm tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng; nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế rừng theo quy định của pháp luật.

6. *Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ* gồm Ban quản lý Vườn quốc gia, Khu Bảo tồn thiên nhiên, Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ khác.

7. *Trạm Quản lý bảo vệ rừng* gồm Trạm Quản lý bảo vệ rừng, Đội Quản lý bảo vệ rừng, Tổ Quản lý bảo vệ rừng có lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng thuộc chủ rừng.

8. *Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng* gồm viên chức và lao động hợp đồng thuộc Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ, doanh nghiệp Nhà nước.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 4. Trách nhiệm của chủ rừng

Chủ rừng có trách nhiệm:

1. Quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững theo Quy chế quản lý rừng, quy định tại Luật Lâm nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Lập và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và thực hiện phương án được phê duyệt theo quy định. Thực hiện quy định về theo dõi diễn biến rừng; bảo đảm duy trì và phát triển diện tích rừng được giao, cho thuê.

3. Thành lập, quản lý, chỉ đạo hoạt động đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; tổ chức xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; bảo đảm kinh phí hoạt động, lương và các chế độ khác; trang bị phương tiện, thiết bị làm việc, công cụ hỗ trợ, đồng phục, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định.

4. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng tổ chức tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng, đất rừng quy hoạch cho lâm nghiệp; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp thuộc phạm vi diện tích được giao.

5. Tổ chức hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định tại Điều 45, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 51, Điều 52, Điều 53 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

6. Tổ chức phân công bố trí đủ lực lượng bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng theo phương án quản lý rừng bền vững, phương án phòng cháy và chữa cháy rừng được phê duyệt.

7. Phối hợp Hạt Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp xã, Kiểm lâm địa bàn, các chủ rừng khác, cơ quan, tổ chức liên kết trong việc bảo vệ rừng; đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy đối với khu rừng; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động nhân dân thực hiện quy định của pháp luật về lâm nghiệp, phòng cháy và chữa cháy rừng, tố giác hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

8. Phối hợp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xác minh làm rõ các vụ việc có hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

9. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về lĩnh vực lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết; báo cáo diện tích rừng bị phá trái pháp luật phải đúng thực tế xảy ra.

10. Chấp hành sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

11. Chủ rừng không thực hiện theo Quy chế này hoặc có biểu hiện làm ngơ, thao túng, bao che cho cấp dưới của mình nhằm trốn tránh trách nhiệm; không tổ chức kiểm tra, phát hiện kịp thời vi phạm để xảy ra phá rừng trái pháp luật; không có mặt kịp thời tại hiện trường nơi xảy ra phá rừng trái pháp luật và các hành vi vi phạm khác xâm hại đến rừng, gây thiệt hại về rừng mà không có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn kịp thời, phải chịu trách nhiệm và bị xử lý trách nhiệm theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý Nhà nước theo quy định tại Luật Lâm nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

1. Quản lý diện tích, ranh giới khu rừng; tổ chức quản lý, bảo vệ diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê; tổ chức thực hiện kiểm kê rừng tại địa phương.

2. Tuyên truyền giáo dục pháp luật, các chính sách về bảo vệ và phát triển rừng. Hướng dẫn cộng đồng dân cư xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn; xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lâm nghiệp tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức hoạt động phòng cháy và chữa cháy diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê, theo quy định tại Điều 45, Điều 47, Điều 49, Điều 51, Điều 52, Điều 53 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

5. Chỉ đạo Công chức Kiểm lâm phối hợp các lực lượng của xã, phường, thị

trần và đơn vị chủ rừng tuần tra, kiểm tra, tổ chức lực lượng chốt chặn tại các khu vực thường xuyên xảy ra phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật, để ngăn chặn, xử lý theo quy định; truy quét đối tượng vi phạm ra khỏi rừng trên địa bàn.

6. Chỉ đạo Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường xã, phường, thị trấn phối hợp với Công chức Kiểm lâm thu thập thông tin biến động về rừng, báo cáo cơ quan thẩm quyền cập nhật theo quy định; kiểm tra, ngăn chặn, xử lý lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái phép theo quy định của pháp luật.

7. Hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân có rừng và đất lâm nghiệp liên kết hình thành nhóm hộ để xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Theo dõi việc thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững của chủ rừng trên địa bàn theo nội dung, kế hoạch đã xác định trong phương án quản lý rừng bền vững được phê duyệt.

8. Quản lý chặt chẽ nhân, hộ khẩu cư trú bất hợp pháp, nếu phát hiện cư trú trong rừng phải có biện pháp trục xuất ra khỏi rừng. Phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn liên kết thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng vùng giáp ranh.

9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về việc để xảy ra cháy rừng, phá rừng hoặc mất rừng do hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Nếu trên địa bàn xã, phường, thị trấn để xảy ra tình trạng phá rừng trái pháp luật và các hành vi vi phạm khác xâm hại đến rừng, gây thiệt hại về rừng mà không có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn và xử lý kịp thời, Chủ tịch, Phó Chủ tịch được phân công phụ trách quản lý rừng, bảo vệ rừng và những người có liên quan của Ủy ban nhân dân cấp xã phải kiểm điểm và bị xử lý trách nhiệm theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Trách nhiệm của Công chức Kiểm lâm

Công chức Kiểm lâm có trách nhiệm thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; kiểm tra, hướng dẫn chủ rừng, chủ lâm sản thực hiện quy định của Nhà nước về khai thác rừng và thương mại lâm sản theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra nắm bắt tình hình quản lý, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn quản lý, gồm: Diện tích, ranh giới các khu rừng, danh sách chủ rừng, các hợp đồng giao nhận khoán, bảo vệ khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng của các chủ rừng với hộ gia đình, cá nhân.

3. Thu thập thông tin biến động về rừng, báo cáo Hạt Kiểm lâm cập nhật

diễn biến rừng theo quy định.

4. Tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, phương án về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn cộng đồng dân cư xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật; xây dựng tổ, đội phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo vệ rừng ở cơ sở.

6. Chủ động phối hợp các lực lượng của xã, phường, thị trấn và đơn vị chủ rừng tuần tra, kiểm tra, chốt chặn tại các khu vực thường xuyên xảy ra phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật để ngăn chặn, xử lý theo quy định; truy quét đối tượng vi phạm ra khỏi rừng trên địa bàn.

7. Chủ động phối hợp các lực lượng của xã, phường, thị trấn bảo vệ rừng thuộc sở hữu toàn dân nơi Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê.

8. Tham mưu Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp theo quy định, triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; trường hợp cần thiết, đề nghị Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng, phòng, chống phá rừng trái pháp luật.

9. Phối hợp với Công chức Kiểm lâm làm việc ở địa bàn liền kề thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng vùng giáp ranh.

10. Phối hợp với chủ rừng và các cơ quan có thẩm quyền trong việc xác minh, điều tra, xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp theo quy định pháp luật.

11. Công chức Kiểm lâm chịu trách nhiệm trước Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời trách nhiệm tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Nếu trên địa bàn quản lý xảy ra tình trạng phá rừng trái pháp luật và các hành vi vi phạm khác xâm hại đến rừng, gây thiệt hại về rừng mà không có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn, xử lý kịp thời, Công chức Kiểm lâm phải kiểm điểm và bị xử lý trách nhiệm theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của Trạm Kiểm lâm

Trạm Kiểm lâm có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

1. Quản lý, chỉ đạo, điều hành Công chức Kiểm lâm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo sự chỉ đạo của Hạt Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; kiểm tra, hướng dẫn chủ rừng, chủ lâm sản thực hiện quy định của Nhà nước, về khai thác rừng và thương mại lâm sản theo quy định pháp luật và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Chỉ đạo Công chức Kiểm lâm kiểm tra, nắm bắt tình hình quản lý, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn quản lý, gồm: Diện tích, ranh giới các khu rừng, danh sách chủ rừng, các hợp đồng giao nhận khoán, bảo vệ khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng của các chủ rừng với hộ gia đình, cá nhân.

4. Kiểm tra việc xây dựng kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng; phương án phòng cháy và chữa cháy rừng của chủ rừng; phối hợp chủ rừng tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp thuộc địa bàn quản lý.

5. Phối hợp UBND cấp xã hướng dẫn cộng đồng dân cư xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn phù hợp quy định pháp luật. Cung cấp thông tin biến động về rừng, báo cáo Hạt Kiểm lâm cập nhật diễn biến rừng theo quy định.

6. Chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng của xã, phường, thị trấn và đơn vị chủ rừng tổ chức tuần tra, kiểm tra, chốt chặn tại các khu vực thường xuyên xảy ra phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật để ngăn chặn, xử lý theo quy định; truy quét đối tượng vi phạm ra khỏi rừng trên địa bàn.

7. Tổ chức kiểm tra, đấu tranh ngăn chặn xử lý các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp theo quy định, triển khai công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; trường hợp cần thiết, đề nghị Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã huy động lực lượng, phương tiện, chữa cháy rừng, phòng, chống phá rừng trái pháp luật.

8. Phối hợp các cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương, lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ rừng thuộc sở hữu toàn dân nơi Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê.

9. Phối hợp công chức Kiểm lâm ở địa bàn liền kề thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng vùng giáp ranh.

10. Phối hợp các cơ quan có thẩm quyền, đơn vị chủ rừng xác minh, điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

11. Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm chịu trách nhiệm trước Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm khi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời trách nhiệm được quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Nếu trên địa bàn quản lý xảy ra tình trạng phá rừng trái pháp luật và các hành vi vi phạm khác xâm hại đến rừng, gây thiệt hại về rừng mà không có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn và xử lý kịp thời, Trạm trưởng, Phó Trạm

trưởng Trạm Kiểm lâm phải kiểm điểm và bị xử lý trách nhiệm theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của Hạt Kiểm lâm

Hạt Kiểm lâm có trách nhiệm quản lý Nhà nước theo quy định tại Luật Lâm nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

1. Tham mưu cho Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, phương án về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn quản lý;

b) Phối hợp các cơ quan, tổ chức, lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ rừng thuộc sở hữu toàn dân nơi Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê;

c) Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp trên phạm vi địa bàn được giao quản lý:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, phương án, đề án về quản lý rừng, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng; phương án phòng cháy và chữa cháy rừng của chủ rừng; phối hợp chủ rừng tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp thuộc địa bàn quản lý;

c) Theo dõi diễn biến rừng, kiểm kê rừng;

d) Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy rừng cho tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng ở cơ sở; xây dựng lực lượng quần chúng, tổ, đội phòng cháy và chữa cháy rừng, bảo vệ rừng;

đ) Thông tin kịp thời về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; triển khai các biện pháp phòng cháy rừng; tham mưu cho cấp có thẩm quyền tổ chức huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn tổ chức chữa cháy rừng;

e) Tổ chức đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính; khởi tố, điều tra vụ án hình sự hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định của pháp luật;

g) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động quần chúng nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

3. Quản lý, chỉ đạo hoạt động Trạm Kiểm lâm và Công chức Kiểm lâm thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, phương án về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng bảo đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp.

4. Phối hợp Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng, các lực lượng trên địa bàn và Ủy ban nhân dân cấp xã ngăn chặn các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp; huy động lực lượng trên địa bàn giúp chủ rừng ngăn chặn các hành vi vi phạm gây thiệt hại đến rừng trên lâm phần các đơn vị chủ rừng quản lý.

5. Chỉ đạo Trạm Kiểm lâm, Công chức Kiểm lâm phối hợp lực lượng cấp xã, đơn vị chủ rừng tổ chức thực hiện chốt chặn, tuần tra cơ động để ngăn chặn, truy quét những cá nhân, tổ chức phá rừng trái pháp luật ra khỏi rừng.

6. Phối hợp Hạt Kiểm lâm liên kề thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng vùng giáp ranh; kịp thời đề xuất Chi cục Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết vụ việc có tính chất phức tạp, nghiêm trọng, vượt quyền hạn.

7. Chịu sự chỉ đạo, điều hành, chấp hành chế độ thông tin, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chi cục Kiểm lâm và Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

8. Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời, trách nhiệm tại Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Nếu trên địa bàn quản lý xảy ra tình trạng phá rừng trái pháp luật và các hành vi vi phạm khác xâm hại đến rừng, gây thiệt hại về rừng mà không có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn và xử lý kịp thời, Hạt trưởng, Phó Hạt trưởng được phân công phụ trách địa bàn và những người có liên quan của Hạt Kiểm lâm, phải chịu trách nhiệm và bị xử lý trách nhiệm theo Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương III

XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 9. Nguyên tắc xử lý trách nhiệm

1. Chủ rừng, các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư có trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng quy định từ Điều 4 đến Điều 8 Quy chế này, nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng theo quy định pháp luật, không tổ chức kiểm tra, phát hiện kịp thời vi phạm; để phá rừng trái pháp luật, gây thiệt hại về rừng mà không có biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn và kịp thời xử lý, thì người đứng đầu, cấp phó được phân công phụ trách quản lý rừng,

bảo vệ rừng và những người có liên quan thực hiện trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng theo quy định phải bị xem xét kiểm điểm và xử lý trách nhiệm theo Quy chế này hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan:

a) Các hình thức kỷ luật giáng chức, cách chức chỉ áp dụng đối với những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

b) Không xem xét xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp đã thực hiện, thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm được giao nhưng vượt quá khả năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

c) Trường hợp đang thi hành quyết định kỷ luật về trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng mà tiếp tục bị xem xét, xử lý kỷ luật tương ứng hoặc nhẹ hơn thì áp dụng hình thức kỷ luật mới cao hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp nhận báo cáo của cấp dưới về việc phá rừng trái pháp luật, nhưng người đứng đầu, cấp phó được phân công phụ trách quản lý rừng, bảo vệ rừng không triển khai biện pháp ngăn chặn, xử lý hoặc phối hợp tổ chức triển khai biện pháp ngăn chặn, xử lý không kịp thời, để xảy ra phá rừng trái pháp luật sẽ bị xử lý trách nhiệm theo Quy chế này hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan;

đ) Cơ sở xử lý trách nhiệm căn cứ kết quả xử lý vi phạm của cơ quan Kiểm lâm hoặc kết luận sau thanh tra, kiểm tra, xác minh của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

e) Diện tích rừng bị phá trái pháp luật đã xem xét kiểm điểm và xử lý một trong các hình thức kỷ luật theo tháng, không cộng vào diện tích để xem xét kiểm điểm và xử lý các hình thức kỷ luật theo năm;

g) Trường hợp chủ rừng bị xử phạt vi phạm hành chính, theo quy định tại Khoản 12, Điều 20 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính, người đứng đầu, cấp phó được phân công phụ trách quản lý rừng, bảo vệ rừng và những người có liên quan thực hiện trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng theo quy định, phải bị xem xét kiểm điểm và xử lý trách nhiệm theo Quy chế này hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan;

h) Trường hợp tổ chức, cá nhân có chức danh trong Quy chế này hoặc quy định của pháp luật khác có liên quan có sự thay đổi về tên gọi thì tổ chức, cá nhân có chức danh đó vẫn bị xem xét xử lý trách nhiệm theo Quy chế này hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với các đơn vị chủ rừng thuộc quản lý của lực lượng vũ trang; các cơ quan, tổ chức khác không thuộc phạm vi xử lý trách nhiệm tại Quy chế này thì đề nghị đơn vị lực lượng vũ trang; các cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền xem xét,

xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Xử lý trách nhiệm và áp dụng hình thức kỷ luật phải đúng trình tự, thủ tục theo thẩm quyền phân cấp quản lý của pháp luật quy định:

a) Các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

b) Các hình thức kỷ luật đối với người lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

4. Xem xét xử lý trách nhiệm tại Quy chế này chỉ được thực hiện khi chủ rừng, các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng không có dấu hiệu của tội phạm hình sự hoặc có dấu hiệu phạm tội hình sự nhưng không áp dụng xử lý theo pháp luật hình sự.

Điều 10. Xử lý trách nhiệm đối với chủ rừng

1. Trạm trưởng, Phó trạm trưởng Trạm Quản lý bảo vệ rừng; Công chức; Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng có nhiệm vụ quản lý rừng, bảo vệ rừng của Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp hoặc các đơn vị khác thuộc doanh nghiệp Nhà nước, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ và kịp thời trách nhiệm, quy định tại Điều 4 Quy chế này, để rừng trong phạm vi ranh giới được giao quản lý, bảo vệ bị phá trái pháp luật sẽ bị xem xét kiểm điểm và xử lý một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: Từ 0,5 ha đến dưới 01 ha/tháng hoặc từ 03 ha đến dưới 05 ha/năm;

b) Cảnh cáo: Từ 01 ha đến dưới 03 ha/tháng hoặc từ 05 ha đến dưới 07 ha/năm;

c) Hạ bậc lương: Từ 03 ha đến dưới 05 ha/tháng hoặc từ 07 ha đến dưới 10 ha/năm;

d) Giáng chức: Từ 05 ha đến dưới 07 ha/tháng hoặc từ 10 ha đến dưới 15 ha/năm;

đ) Cách chức: Từ 07 ha trở lên/tháng hoặc từ 15 ha trở lên/năm.

2. Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách quản lý rừng, bảo vệ rừng của Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lâm nghiệp hoặc các đơn vị khác thuộc doanh nghiệp Nhà nước, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ và kịp thời trách nhiệm, quy định tại Điều 4 Quy chế này, để rừng bị phá trái pháp luật sẽ bị xem xét kiểm điểm và xử lý một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: Từ 01 ha đến dưới 02 ha/tháng hoặc từ 07 ha đến dưới 10 ha/năm;

b) Cảnh cáo: Từ 02 ha đến dưới 05 ha/tháng hoặc từ 10 ha đến dưới 15 ha/năm;

c) Hạ bậc lương: Từ 05 ha đến dưới 10 ha/tháng hoặc từ 15 ha đến dưới 20 ha/năm;

d) Giáng chức: Từ 10 ha đến dưới 20 ha/tháng hoặc từ 20 ha đến dưới 40 ha/năm;

đ) Cách chức: Từ 20 ha trở lên/tháng hoặc từ 40 ha trở lên/năm.

3. Người lao động theo chế độ hợp đồng lao động của chủ rừng chưa làm hết trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng, để rừng bị phá trái pháp luật bị xem xét xử lý trách nhiệm theo nội quy, quy định của chủ rừng, các điều khoản của hợp đồng hoặc quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Chủ rừng là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng tự nhiên hoặc rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại để quản lý, bảo vệ và sử dụng vào mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật, nếu không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng theo Quy chế quản lý rừng, không tổ chức kiểm tra phát hiện kịp thời vi phạm để phá rừng trái pháp luật; ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, còn bị xử lý như sau:

a) Phải bồi thường thiệt hại về rừng cho Nhà nước theo quy định hiện hành;

b) Để rừng bị phá trái pháp luật trong một năm trên 5% tổng diện tích rừng được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, sẽ bị xem xét thu hồi rừng theo quy định tại Điều 22 Luật Lâm nghiệp.

Điều 11. Xử lý trách nhiệm Ủy ban nhân cấp xã

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch được phân công phụ trách quản lý rừng, bảo vệ rừng và những người có liên quan của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao thực hiện trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng đối với các diện tích rừng đã có chủ rừng nằm trên địa giới hành chính quản lý không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ và kịp thời trách nhiệm, quy định tại Điều 5 Quy chế này, để rừng bị phá trái pháp luật sẽ bị xem xét kiểm điểm và xử lý một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: Từ 05 ha đến dưới 10 ha/tháng hoặc từ 20 ha đến dưới 25 ha/năm;

b) Cảnh cáo: Từ 10 ha đến dưới 20 ha/tháng hoặc từ 25 ha đến dưới 40 ha/năm;

c) Cách chức: Từ 20 ha trở lên/tháng hoặc từ 40 ha trở lên/năm.

2. Đối với diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê, nếu để rừng bị phá trái pháp luật sẽ bị xem xét kiểm điểm và xử lý trách nhiệm theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 Quy chế này.

3. Trường hợp diện tích rừng bị phá trái pháp luật chưa đến mức xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này; nhưng tổng diện tích rừng bị phá của hai đối tượng rừng (đã có chủ rừng và diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê) từ 5ha/tháng hoặc từ 20ha/năm thì sẽ bị xem xét kiểm điểm và xử lý một trong các hình thức kỷ luật quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Xử lý trách nhiệm Công chức Kiểm lâm

Công chức Kiểm lâm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời trách nhiệm theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này sẽ bị xem xét kiểm điểm và xử lý một trong các hình thức kỷ luật quy định tại Khoản 2, Điều 10 Quy chế này.

Điều 13. Xử lý trách nhiệm Trạm Kiểm lâm

Trạm trưởng, Phó Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời trách nhiệm theo quy định tại Điều 7 Quy chế này để rừng bị phá trái pháp luật sẽ bị xem xét kiểm điểm và xử lý một trong các hình thức kỷ luật sau:

1. Khiển trách: Từ 04 ha đến dưới 06 ha/tháng hoặc từ 10 ha đến dưới 15 ha/năm.
2. Cảnh cáo: Từ 06 ha đến dưới 10 ha/tháng hoặc từ 20 ha đến dưới 30 ha/năm.
3. Hạ bậc lương: Từ 10 ha đến dưới 20 ha/tháng hoặc từ 30 ha đến dưới 40 ha/năm.
4. Giáng chức: Từ 20 ha đến dưới 30 ha/tháng hoặc từ 40 ha đến dưới 60 ha/năm.
5. Cách chức: Từ 30 ha trở lên/tháng hoặc từ 60 ha trở lên/năm.

Điều 14. Xử lý trách nhiệm Hạt Kiểm lâm

Hạt trưởng, Phó Hạt trưởng được phân công phụ trách địa bàn và những người có liên quan của Hạt Kiểm lâm được giao thực hiện trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng khi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời trách nhiệm theo quy định tại Điều 8 Quy chế này, để rừng bị phá trái pháp luật, sẽ bị xem xét kiểm điểm và xử lý một trong các hình thức kỷ luật sau:

1. Khiển trách: Từ 10 ha đến dưới 20 ha/tháng hoặc từ 30 ha đến dưới 40 ha/năm.
2. Cảnh cáo: Từ 20 ha đến dưới 30 ha/tháng hoặc từ 40 ha đến dưới 50 ha/năm.
3. Hạ bậc lương: Từ 30 ha đến dưới 40 ha/tháng hoặc từ 50 ha đến dưới 60 ha/năm.
4. Giáng chức: Từ 40 ha đến dưới 50 ha/tháng hoặc từ 60 ha đến dưới 100 ha/năm.

5. Cách chức: Từ 50 ha trở lên/tháng hoặc từ 100 ha trở lên/năm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Chủ rừng có trách nhiệm xây dựng phương án quản lý rừng, bảo vệ rừng của đơn vị với nội dung, nhiệm vụ cụ thể, chi tiết cho từng bộ phận gián tiếp, trực tiếp quản lý rừng, bảo vệ rừng nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng và thuận lợi trong công tác kiểm tra, giám sát và xử lý trách nhiệm. Triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này; xử lý và đề nghị xử lý trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng của đơn vị theo thẩm quyền.

2. Hạt Kiểm lâm:

a) Chỉ đạo, phối hợp các đơn vị có liên quan thiết lập hồ sơ, xử lý các vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp theo quy định; Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm chịu trách nhiệm về các trường hợp vi phạm Luật Lâm nghiệp không kịp thời lập hồ sơ hoặc lập hồ sơ không đúng quy định;

b) Xem xét, đề xuất xử lý kỷ luật về trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng đối với Công chức Kiểm lâm; tham mưu Chi cục Kiểm lâm xử lý trách nhiệm của Công chức Kiểm lâm thuộc quản lý của đơn vị;

c) Theo dõi, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục Kiểm lâm tình hình xử lý các vụ vi phạm phá rừng trái pháp luật trên địa bàn phân cấp quản lý.

Báo cáo thống kê tình hình phá rừng trái pháp luật trong tháng được tính bắt đầu từ ngày 01 của tháng đến hết ngày cuối cùng của tháng đó.

3. Chi cục Kiểm lâm:

a) Trên cơ sở kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm, có trách nhiệm thống kê tình hình rừng bị thiệt hại do phá rừng trái pháp luật và các hành vi vi phạm khác xâm hại đến rừng, lâm sản; đồng thời, căn cứ báo cáo của Hạt Kiểm lâm về tình hình vi phạm Luật Lâm nghiệp; đề nghị cơ quan, đơn vị có chức trách, nhiệm vụ quản lý rừng, bảo vệ rừng thực hiện xử lý kỷ luật về trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng theo quy định; chỉ đạo, thực hiện xử lý kỷ luật về trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng đối với Kiểm lâm theo thẩm quyền;

b) Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình xử lý trách nhiệm về quản lý rừng, bảo vệ rừng trên toàn tỉnh, theo định kỳ 6 tháng, 01 năm.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; theo dõi, chỉ đạo xử lý hoặc

phối hợp trong xử lý kỷ luật về trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng đối với chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã, Hạt Kiểm lâm.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa theo dõi, đôn đốc việc thực hiện xử lý kỷ luật về trách nhiệm quản lý rừng, bảo vệ rừng đối với các chủ rừng, các đơn vị trực thuộc.

6. Các cơ quan, đơn vị khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao ở địa phương, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý rừng, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. Khi nhận được lệnh điều động của cấp có thẩm quyền phải nhanh chóng điều động người, phương tiện, trang thiết bị cần thiết của đơn vị, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn để kịp thời ngăn chặn, ứng cứu những vụ phá rừng trái pháp luật và các hành vi vi phạm khác xâm hại đến rừng trong những tình huống cấp thiết.

7. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu vướng mắc, phát sinh vấn đề không phù hợp; cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./*mv*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng